|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ——–** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc —————** |
| Số: 26/2020/TT-BGDĐT | *Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Căn cứ Luật Giáo dục vào ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP vào ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT vào ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Theo đề nghị Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi và bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT vào ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Điều 1.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông ban hành dựa theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT vào ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT**

1. Sửa đổi và bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 6 như sau:  
b) Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét, đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại:

Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học và hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện những yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá dựa theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì cần phải quy đổi về thang điểm 10.

2. Sửa đổi và bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 6 như sau:  
a) Đối với những môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét, đánh giá bằng điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả học tập môn học sau mỗi học kì, cả năm học; tính điểm trung bình môn học, tính điểm trung bình những môn học sau mỗi học kì, cả năm học theo **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT**.

3. Sửa đổi và bổ sung Điều 7 như sau:  
Điều 7. Các loại kiểm tra, đánh giá; hệ số điểm kiểm tra và đánh giá  
1. Các loại kiểm tra và đánh giá  
a) Kiểm tra và đánh giá thường xuyên:  
Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra và đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo đúng chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;  
Kiểm tra và đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thí nghiệm, thực hành, sản phẩm học tập;  
Số lần kiểm tra và đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm đánh giá, kiểm tra thường xuyên quy định của khoản 1 Điều 8 **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT**.  
b) Kiểm tra và đánh giá định kì:  
Kiểm tra và đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học vàhoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Đào tạo ban hành;  
Kiểm tra và đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì, kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc là trên máy tính), bài thực hành và dự án học tập.  
Thời gian làm bài kiểm tra và đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc là trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút, đối với các môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề và đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, các hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.  
Đối với bài thực hành và dự án học tập phải có hướng dẫn, tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện theo **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT**.  
2. Hệ số điểm kiểm tra và đánh giá thường xuyên và định kì  
a) Điểm kiểm tra và đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐGtx): tính hệ số 1;  
b) Điểm kiểm tra và đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐGgk): tính hệ số 2;  
c) Điểm kiểm tra và đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐGck): tính hệ số 3.”.

XEM THÊM: [Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học](https://jes.edu.vn/thong-tu-222016tt-bgddt-ve-danh-gia-hoc-sinh-tieu-hoc)



4. Sửa đổi và bổ sung Điều 8 như sau:  
“Điều 8. Số điểm kiểm tra, đánh giá, cách cho điểm  
1. Trong mỗi học kì, số ĐĐGtx, ĐĐGgk, ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả những chủ đề tự chọn) như sau:  
a) Kiểm tra và đánh giá thường xuyên:  
Môn học có 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;  
Môn học có trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;  
Môn học có trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.  
b) Kiểm tra và đánh giá định kì:  
Trong mỗi học kì, một môn học có 1 (một) ĐĐGgk, 01 (một) ĐĐGck;  
2. Điểm các bài kiểm tra và đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất ngay sau khi làm tròn số.  
3. Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra và đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này của **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT** nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra và đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu, với mức độ kiến thức, hình thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra và đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.  
4. Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra và đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có đủ lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra và đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 của bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu.”.

5. Sửa đổi và bổ sung điểm a khoản 1 Điều 10 như sau: “

a) Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là ĐTBmhk) là điểm trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra và đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với những hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT** như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| ĐTBmhk = | TĐĐGtx + 2 x ĐĐGgk + 3 x ĐĐGck |
| Số ĐĐGtx + 5 |

TĐĐGtx: Tổng điểm kiểm tra và đánh giá thường xuyên.”.

6. Sửa đổi và bổ sung Điều 14 như sau:  
“Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật  
1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của những học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực, tiến bộ của người học.  
2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo đúng phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hay hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được các yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về việc kết quả học tập. Những môn học hoặc là hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không còn khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo đúng kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá các nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn theo **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT**  
3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo đúng phương thức giáo dục chuyên biệt và kết quả giáo dục của môn học hay hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được các yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá được quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Các môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không còn khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả của thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.”.



7. Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 của **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐTđ**:  
“3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật  
Hiệu trưởng căn cứ dựa vào kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để  xem xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hay căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không còn đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp.”.

8. Sửa đổi và bổ sung Điều 18 như sau:  
“Điều 18. Xét công nhận danh hiệu học sinh  
1. Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hay cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi.  
2. Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hay cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên, học lực từ loại khá trở lên.  
3. Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc là có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng tặng giấy khen.”.

9. Sửa đổi và bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT** như sau:

“1. Thực hiện kiểm tra và đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo đúng phân công của Hiệu trưởng và trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh. Đối với hình thức kiểm tra và đánh giá bằng hỏi – đáp, giáo viên phải nhận xét và góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc là ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh thì cần phải thực hiện ngay sau đó.

2. Tính điểm trung bình môn học (đối với những môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số) và xếp loại nhận xét môn học (đối với những môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học, trực tiếp vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ.”.

10. Sửa đổi và bổ sung Khoản 4 Điều 21 như sau:  
“4. Tổ chức thực hiện kiểm tra và đánh giá định kì các môn học theo quy định tại **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT** này; kiểm tra, đánh giá lại những môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt, công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi đã có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về xét hạnh kiểm trong kì nghỉ hè.”.

Điều 2.

Bãi bỏ một số điểm, thay thế một số từ, cụm từ tại một số Điều của Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT vào ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bãi bỏ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 6.

2. Thay thế cụm từ “cho điểm” tại Điều 9 thay thế bằng cụm từ “đánh giá”.

3. Thay thế cụm từ “số lần” tại gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm a khoản 2 Điều 10

  bằng cụm từ “số điểm”.

4. Thay thế cụm từ “cho điểm” thay thế bằng cụm từ “điểm số” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11.

5. Thay thế cụm từ “Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT vào ngày 14/11/2007” tại khoản 5 Điều 12 thay thế bằng cụm từ “Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012”.

6. Thay thế cụm từ “của 1 trong 2 môn Toán và Ngữ văn” tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT** bằng cụm từ “của 1 trong 3 môn Toán, Ngoại ngữ, Tiếng Anh

7. Thay thế cụm từ “của một môn học nào đó” vào khoản 6 Điều 13 bằng cụm từ “của duy nhất một môn học nào đó”.



Điều 3.

Hiệu lực thi hành

1. **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT** có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2020.

2. Thông tư này thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông học theo chương trình giáo dục phổ thông được ban hành kèm theo các quyết định sau đây:

a) Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT vào ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

b) Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT vào ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp trung học cơ sở;

c) Quyết định số 5209/QĐ-BGDĐT vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh thí điểm cấp trung học phổ thông;

d) Quyết định số 2092/QĐ-BGDĐT vào ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình môn Tiếng Pháp Ngoại ngữ 2;

đ) Quyết định số 3452/QĐ-BGDĐT vào ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Phê duyệt Chương trình các môn học trong Chương trình song ngữ Tiếng Pháp (gồm các môn Tiếng Pháp, Toán bằng Tiếng Pháp vào Vật lí bằng Tiếng Pháp);

e) Quyết định số 3735/QĐ-BGDĐT vào ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Phê duyệt Chương trình giáo dục phổ thông thí điểm môn Tiếng Hàn-Ngoại ngữ 2 cấp trung học;

g) Quyết định số 2744/QĐ-BGDĐT vào ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông thí điểm môn Tiếng Nhật-Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

XEM THÊM: [Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT chuẩn nghệ nghiệp giáo viên](https://jes.edu.vn/thong-tu-so-202018tt-bgddt-chuan-nghe-nghiep-giao-vien)

Điều 4.

Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lí chất lượng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT**./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  Văn phòng Quốc hội;  Văn phòng Chính phủ;  Ủy ban VHGDTNTNNĐ của Quốc hội;  Ban Tuyên giáo trung ương;  Kiểm toán nhà nước;  Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);  Công báo;  Bộ trưởng;  Như Điều 4 (để thực hiện);  Cổng TTĐT Chính phủ;  Cổng TTĐT Bộ GDĐT;  Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTrH. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |